

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HS-ST
Ngày 10/9/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ma Quốc Tuấn**.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vi Thanh Cầm**;*

*Bà **La Thị Huệ**;*

*- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hảo** - Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông
Nguyễn Xuân Thắng - Kiểm sát viên.*

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2019/TLST-HS ngày 20/6/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Sầm Văn T, sinh ngày 05/01/1971 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; Dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Sầm Văn Q (Đã chết) và bà Hà Thị H; Vợ: Nguyễn Thị N, có 04 con - lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không. Về nhân thân: Năm 2015, bị Ủy ban nhân dân xã T, huyện C xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, ngày 28/12/2015 đã chấp hành xong khoản tiền phạt. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/12/2018 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Sầm Văn S, sinh ngày 13/9/1995 tại huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Sầm Văn T và bà Nguyễn Thị N; Vợ: Triệu Thị Đ, có 01 con sinh năm 2015; Tiền án; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/12/2018 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho các bị cáo: Ông **Hà Trung Tuyến** - Luật sư Văn phòng luật sư Bắc Kạn thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt).*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1976, trú tại: Xóm V, xã C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).
2. Anh **Ngô Quốc T**, sinh năm 1968, trú tại: Xóm V, xã C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).
3. Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1970, trú tại: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Có mặt).
4. Anh **Vi Văn H**, sinh năm 1985, trú tại: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 30 phút, ngày 25/12/2018 tại đường quốc lộ 3 thuộc khu vực thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn dừng xe mô tô biển kiểm soát 97F3-7623 để kiểm tra, qua kiểm tra phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đối với Sầm Văn T là người điều khiển xe mô tô và Sầm Văn S là người ngồi sau. Sầm Văn T là bố và Sầm Văn S là con trai. Thu giữ trong cạp quần phía sau Sầm Văn S đang mặc 01 túi nilon màu trắng bên trong có một bọc bằng mảnh nilon màu đen, quần dây cao su màu vàng, bên trong bọc có 01 túi nilon trong suốt chứa chất bột màu trắng dạng cục và bột, 01 chiếc điện thoại di động IPHONE đã qua sử dụng. Thu giữ của Sầm Văn T 02 điện thoại di động, 01 chiếc nhãn hiệu NOKIA, 01 chiếc nhãn hiệu SAMSUNG, 01 xe mô tô biển kiểm soát 97F3-7623 và 01 chiếc cửa máy đã qua sử dụng. Cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Sầm Văn T và Sầm Văn S kết quả tạm giữ số tiền 2.000.000 đồng và một số giấy tờ khác.

Sầm Văn T khai nhận, số ma túy Cơ quan công an thu giữ khi bắt quả tang là do T mua của người phụ nữ tên Nguyễn Thị D, trú tại Xóm V, xã C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên đem về bán cho người khác nhưng chưa kịp bán thì bị bắt. Cơ quan công an đã tiến hành khám xét khẩn cấp đối với nơi ở của Nguyễn Thị D. Kết quả tạm giữ số tiền 24.700.000 đồng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen, biển kiểm soát 20B1-756.15 và giấy đăng ký xe, khi khám xét Nguyễn Thị D không có mặt.

Quá trình điều tra xác định: Sầm Văn T có quen biết Ngô Quốc T, sinh năm 1968, trú tại Xóm V, xã C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên và đã đến nhà chơi. Tại đây, T biết Nguyễn Thị D là vợ của Ngô Quốc T. Do bản thân nghiện ma túy nên T hỏi Ngô Quốc T có biết chỗ bán ma túy không nhưng Ngô Quốc T trả lời không biết. Sau đó, T có nói chuyện với D thì D nói có ma túy bán với số lượng hàng cây, T lấy bao nhiêu thì về nhà chuẩn bị tiền và báo cho D. Cả hai trao đổi số điện thoại với nhau, số điện thoại của D là 0964.292.094. Sau đó tại Tổ T, phường X, thành phố B, T gặp một người phụ nữ giới thiệu là nhà ở xã TA, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Hai người trao đổi số điện thoại, T lưu số điện thoại

0378.310.540 của người phụ nữ này trong chiếc điện thoại SAMSUNG là “Anh Gai” và lưu trong chiếc điện thoại NOKIA là “Phân”. Qua trao đổi T biết người phụ nữ cần mua ma túy để mang vào bán tại các bãi khai thác vàng. Về nhà T nói chuyện với con trai ruột là Sầm Văn S là sẽ giới thiệu S với người mua ma túy (người phụ nữ ở xã TA) là con của chủ hàng dưới Thái Nguyên mang ma túy lên Bắc Kạn để bán. Đến tối ngày 24/12/2018, người phụ nữ ở TA gọi điện cho T để đặt mua 02 cây ma túy loại Hêrôin với giá 62.000.000 đồng. Sau đó, T gọi điện cho D hỏi mua 02 cây ma túy với số tiền 50.000.000 đồng và được D đồng ý. Sáng ngày 25/12/2018, T đón xe ô tô khách đến nhà D và mua 02 cây ma túy với số tiền 50.000.000 đồng xong T đón xe khách đi về. Khi về nhà, T đôn 02 cây ma túy vừa mua được vào một túi nilon rồi cất vào túi quần đang mặc. T gọi S đang ngủ trưa dậy để đi cắt gỗ, nhưng thực chất là để cùng T đi bán ma túy. Khi S dậy xuống bếp thay quần áo thì T đưa cho S chiếc điện thoại Nokia của T bảo S cầm hộ, rồi xuống dưới gầm sàn nhà đất chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97F3-7623 ra sân và gọi điện cho người phụ nữ ở TA hẹn đến thôn K, xã T, huyện Chợ Mới để giao dịch. Do gói ma túy T để trong túi quần thấy vướng nên đã đưa cho S cầm. T chờ S đi đến nơi hẹn bán ma túy nhưng chưa kịp bán thì Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn phát hiện bắt quả tang thu giữ gói ma túy để trong cặp quần phía sau S đang mặc.

Lời khai nhận của Sầm Văn S phù hợp với lời khai của Sầm Văn T về diễn biến hành vi phạm tội. S không biết nguồn gốc ma túy T lấy từ đâu về, chỉ biết đi giao dịch bán ma túy theo sự sắp xếp của T. Khi T đưa cho S gói ma túy bảo cầm hộ, S biết đó là ma túy và biết mình sắp cùng T đi bán gói ma túy nhưng S vẫn đồng ý đi. Tuy nhiên, khi đi đến điểm hẹn chưa kịp bán thì bị công an phát hiện bắt giữ.

Ngày 25/12/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn đã mở niêm phong cân xác định khối lượng chất ma túy thu giữ của Sầm Văn T, Sầm Văn S có khối lượng là 73,764 gam. Tại Kết luận giám định số 17/KTHS-MT ngày 05/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: *Mẫu chất bột màu trắng dạng cục có trong phong bì gửi giám định là ma túy, loại Hêrôin có khối lượng là 73,764 gam.*

Tại Bản cáo trạng số 12/CT-VKS-P1 ngày 19/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố Sầm Văn T, Sầm Văn S đều về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 251/BLHS 2015, điều luật có nội dung:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

2...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm:

a...

b) Hêrôin...có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị hướng xử lý như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Sầm Văn T, Sầm Văn S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; Điều 38; điểm s Khoản 1 Khoản 2 điều 51 BLHS xử phạt bị cáo T 16 đến 17 năm tù. Phạt tiền từ 8 đến 9 triệu đồng.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; Điều 38; điểm s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo S 15 đến 16 năm tù. Phạt tiền từ 5 đến 6 triệu đồng.

Về xử lý vật chứng: đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Luật sư chỉ định bào chữa cho các bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bản luận cứ nhất trí với bản kết luận điều tra và cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị N đã được cơ quan điều tra trả lại tài sản bị tạm giữ nên không có ý kiến gì thêm. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Luật sư bào chữa cho các bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bản luận cứ cho hội đồng xét xử. Các bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Trong ngày 25/12/2018, Sầm Văn T cùng con trai là Sầm Văn S đã có hành vi đem theo 73,764 gam ma túy từ nhà ở của T đến khu vực thôn K, xã T,

huyện C, tỉnh Bắc Kạn để bán cho một người phụ nữ nhà ở xã TA, huyện N, tỉnh Bắc Kạn mà T đã hẹn qua điện thoại trước đó, tuy nhiên chưa kịp bán thì bị Cơ quan công an phát hiện bắt quả tang thu giữ người và tang vật.

Với hành vi đã nêu, các bị cáo Sầm Văn T, Sầm Văn S đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 251 BLHS. Việc truy tố, xét xử đối với các bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý, sử dụng chất gây nghiện của Nhà nước, là nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội khác, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo Sầm Văn T là người có hiểu biết về pháp luật, trước khi bị bắt là Thôn Đội trưởng của Thôn N, xã T, huyện Chợ Mới, thế nhưng bị cáo lại không lấy đó làm nền tảng phấn đấu, rèn luyện mà lại đi vào con đường phạm tội, không những thế bị cáo còn lôi kéo cả chính con đẻ của mình cùng thực hiện tội phạm. Đối với bị cáo Sầm Văn S, đáng lẽ ra khi biết bố thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, bị cáo cần khuyên bảo và có sự can thiệp cần thiết thì ngược lại bị cáo nhu nhược, thụ động nghe theo sự sắp đặt của bố dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật. Điều đó thể hiện sự bất chấp pháp luật của các bị cáo. Do đó, cần buộc các bị cáo phải chịu một hình phạt nghiêm khắc mới đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] Xét vai trò, mức độ chịu trách nhiệm hình sự của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Việc mua bán ma túy đều do Sầm Văn T chủ động liên lạc và sắp xếp mà không có sự bàn bạc, trao đổi trước với Sầm Văn S. S chỉ đi theo làm nhiệm vụ đưa ma túy và nhận tiền không biết bán ma túy cho ai và ở đâu, đồng thời S cũng không được hưởng lợi gì từ việc mua bán ma túy. S hoàn toàn thụ động trong kế hoạch phạm tội của bị cáo T. Như vậy, bị cáo T giữ vai trò đầu vụ và phải chịu trách nhiệm hình sự chính. Bị cáo S giữ vai trò người giúp sức và mức độ chịu trách nhiệm hình sự sẽ được xem xét ở mức thấp hơn so với bị cáo T.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo:

- Bị cáo Sầm Văn T không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu năm 2015 đã bị Ủy ban nhân dân xã T, huyện C xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã “*Thành khẩn khai báo*”, bị cáo có bố đẻ là ông Sầm Văn Q, mẹ vợ là bà Phạm Thị D tham gia kháng chiến được Nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Bị cáo Sầm Văn S có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*Thành khẩn khai báo*”, bị cáo có ông nội là Sầm Văn Q được tặng thưởng Huân chương kháng chiến do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo Sầm Văn T mua bán trái phép chất ma túy là nhằm kiếm lợi nhuận, bị cáo không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo tại địa phương nên cần buộc bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung là “phạt tiền”.

Đối với bị cáo Sầm Văn S là con đẻ của bị cáo Sầm Văn T, trước khi bị bắt S sống cùng bố mẹ đẻ là T và bà N, sống phụ thuộc vào gia đình, không có tài sản riêng hơn nữa việc mua bán ma túy của S chỉ là việc giúp sức cho T, S không được hưởng lợi gì từ việc mua bán ma túy do đó xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng bằng cách trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp một số đồ vật, tài sản bị thu giữ không liên quan đến vụ án. Việc trả lại của cơ quan điều tra là đúng quy định của pháp luật. Đối với những vật chứng còn lại, xử lý như sau:

- Đối với 73,730 gam Hêrôin hoàn trả sau giám định và toàn bộ vỏ niêm phong ban đầu và giấy gói cũ được niêm phong trong các phong bì ký hiệu T17 và G2 là vật cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ nhựa màu xanh đã qua sử dụng, có lắp sim Viettel 0394.460.145 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung bên trong có lắp 02 sim của Viettel là 0967.187.505 và 0981.322.644, là của Sầm Văn T, xác định T đã sử dụng để liên lạc mua bán ma túy, nên cần tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước đối với hai chiếc điện thoại trên;

- 01 xe mô tô màu S xanh biển kiểm soát 97F3-7623 và chìa khóa xe, 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 0017733 mang tên Nông Văn D biển số đăng ký 97F3-7623, xác định đây là chiếc xe Sầm Văn T đã mua với Nông Văn D. T đã sử dụng làm phương tiện để đi mua bán ma túy nên cần tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone bên trong có lắp sim Viettel 0396.752.000 là của Sầm Văn S, xác định S không sử dụng chiếc điện thoại này để liên lạc mua bán ma túy. Tuy nhiên, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo S.

- 01 chứng minh thư nhân dân số 095051810 mang tên Sầm Văn T, không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho bị cáo Sầm Văn T.

[6] Về những vấn đề khác liên quan đến vụ án:

- Trong quá trình điều tra vụ án, Sầm Văn T khai trước đó ngày 18/12/2018 được mua 01 cây ma túy giá 25.000.000 đồng với Nguyễn Thị D. Sau khi mua xong, T về đến khu vực Bản C, xã NT, huyện C thì chui vào bụi cây ven đường bớt lại một ít ma túy để sử dụng và gọi Sầm Văn S ra đón. Sau đó, gọi cho người phụ nữ ở xã TA, huyện N đến gặp tại thôn K, xã T, huyện C giao dịch mua bán với số lượng 01 cây ma túy với giá 31.000.000 đồng. Giao dịch xong, T và S đi về còn người phụ nữ mua ma túy đi đâu không rõ. Lời khai của Sầm Văn S cũng trùng khớp với lời khai của T. Nội dung này, cơ quan điều

tra đã cho T và D đổi chất nhưng D không thừa nhận được liên lạc trao đổi mua bán ma túy với T. Mặt khác, cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng là gói ma túy D bán cho T và cũng không xác định được người phụ nữ đã mua gói ma túy với S và T, ngoài ra không có thêm chứng cứ nào khác. Do đó không có đủ căn cứ xem xét trách nhiệm đối với T và S, cơ quan điều tra tách ra tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý khi đủ căn cứ.

- Đối với người phụ nữ nhà ở xã TA, huyện N, tỉnh Bắc Kạn sử dụng số điện thoại 0378.310.540, do không biết họ tên đặc điểm để nhận dạng. Đồng thời, số thuê bao đăng ký tên người sử dụng là Hà Quang H, sinh ngày 13/4/1993 có địa chỉ tại xã H, huyện N, qua xác minh người này không có mặt tại địa phương. Do đó, không làm rõ được người phụ nữ nhà ở xã TA, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, Cơ quan công an tách ra tiếp tục điều tra làm rõ sau.

- Đối với Nguyễn Thị D, xác định D có quen biết Sầm Văn T nhưng không được liên lạc, trao đổi mua bán ma túy với T trong các ngày 19 và 25/12/2018 như lời khai của T, đồng thời đã tiến hành đổi chất nhưng D không thừa nhận được bán ma túy cho T. Do đó, hiện chưa đủ căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Thị D.

- Đối với Ngô Quốc T, sống chung như vợ chồng với Nguyễn Thị D nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình điều tra xác định số điện thoại 0964.292.094 mang tên T nhưng T đã cho Nguyễn Thị D sử dụng. T không được liên lạc trao đổi mua bán ma túy với Sầm Văn T và cũng không biết việc D sử dụng số điện thoại này để trao đổi liên lạc với Sầm Văn T. Ngày 25/12/2018 Sầm Văn T đến nhà T chơi nhưng T không biết Sầm Văn T và D trao đổi với nhau những gì nên không đủ căn cứ xem xét trách nhiệm đối với T.

Về số tiền 24.700.000 đồng và chiếc xe mô tô biển kiểm soát 20B1-756.15 thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị D và Ngô Quốc T, xác định số tiền này là tiền riêng của T, chiếc xe mô tô T mua từ lâu nhưng chưa sang tên đổi chủ, việc cơ quan điều tra trả lại các tài sản này cho T là có căn cứ và đúng quy định.

- Đối với Nguyễn Thị N là vợ của Sầm Văn T, quá trình khám xét nơi ở của Sầm Văn T, cơ quan điều tra thu giữ số tiền 2.000.000 đồng, xác định số tiền này là do N bán lợn mà có không liên quan đến việc phạm tội của T, nên cơ quan điều tra trả lại cho N là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với Vi Văn H là chủ sở hữu của chiếc cửa máy mà Sầm Văn T và Sầm Văn S mang theo khi đi bán ma túy ngày 25/12/2018, chiếc cửa này là T mượn của H trước đó, nên cơ quan công an đã trả lại cho Vi Văn H là phù hợp.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Sầm Văn T, Sầm Văn S phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Sầm Văn T 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 25/12/2018.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Sầm Văn S 15 (mười năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 25/12/2018.

2. Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 251/BLHS: Phạt bổ sung bị cáo Sầm Văn T 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*) để sung công quỹ Nhà nước.

3. Vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: 73,730 gam Hêrôin hoàn trả sau giám định và toàn bộ vỏ niêm phong ban đầu và giấy gói cũ được niêm phong trong các phong bì ký hiệu T17 và G2.

- Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước gồm:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ nhựa màu xanh đã qua sử dụng, có lắp sim Viettel 0394.460.145 của Sầm Văn T, tịch thu tiêu hủy sim lắp theo máy.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung bên trong có lắp 02 sim của Viettel là 0967.187.505 và 0981.322.644, tịch thu tiêu hủy sim lắp theo máy.

+ 01 xe mô tô màu S xanh biển kiểm soát 97F3-7623 và chìa khóa xe, 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 0017733 mang tên Nông Văn D biển số đăng ký 97F3-7623.

- Tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone bên trong có lắp sim Viettel 0396.752.000 của Sầm Văn S để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Trả lại cho bị cáo Sầm Văn T gồm: 01 chứng minh thư nhân dân số 095051810 mang tên Sầm Văn T.

(Tình trạng, số lượng vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an tỉnh Bắc Kạn và Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn).

4. Án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Sầm Văn T, Sầm Văn S mỗi người phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể

từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- THAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Các bị cáo (Qua TTG);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Quốc Tuấn